

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG SÁNG TẠO NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON

Lã Thị Bắc Lý¹, Tống Thị Khánh An², Hồ Thị Thanh Hương³ và Trần Việt Nhi^{4*}

¹*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

²*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sài Gòn*

³*Khoa Sư phạm, Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế*

⁴*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

Tóm tắt. Trong những năm gần đây, vấn đề phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ mầm non - một loại hình sáng tạo đặc biệt đã được quan tâm trên cả phương diện lí luận và thực tiễn. Tuy vậy, với số lượng công bố còn rất ít ỏi, có thể khẳng định đây là chủ đề nghiên cứu còn mới mẻ trong giáo dục mầm non ở Việt Nam. Nghiên cứu tổng quan này nhằm tập trung làm rõ khái niệm, bản chất và đặc điểm khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ em. Trên cơ sở đó, đề xuất một số định hướng nghiên cứu nhằm hỗ trợ sự phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

Từ khóa: sáng tạo, ngôn ngữ, sáng tạo ngôn ngữ, mầm non.

1. Mở đầu

Sáng tạo là một trong những khả năng đặc biệt của con người, có thể hình thành ngay từ những năm đầu đời thông qua việc cung cấp một môi trường trải nghiệm tự do, xây dựng kĩ năng qua vui chơi và ghi nhận những nỗ lực sáng tạo của trẻ [1], [2]. Các nghiên cứu thực chứng đã chứng minh rằng, trẻ em có thể bị bỏ lỡ cơ hội phát triển khả năng sáng tạo nếu như không được khuyến khích và hỗ trợ ngay từ khi còn nhỏ [2]. Chính vì vậy, vấn đề phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ mầm non được đặc biệt quan tâm nghiên cứu trong vài thập niên gần đây.

Sáng tạo ngôn ngữ được Noam Chomsky nhắc tới vào những năm 1966. Năm 1976, vấn đề sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ em mầm non và tiểu học được ông trình bày cụ thể trong một báo cáo tại Hội thảo khoa học về nghệ thuật ngôn ngữ ở Boston. Ông cho rằng, tiếp thu ngôn ngữ là một quá trình đổi mới, trong đó trẻ em tự tạo ra các câu và các quy tắc riêng để đặt câu. Thêm nữa, việc khuyến khích trẻ viết trước khi đọc là phù hợp với khuynh hướng sáng tạo tự nhiên của trẻ [3]. Nhà tâm lí học nổi tiếng người Nga L. S. Vygotsky tin rằng sự sáng tạo văn học ở dạng chín muồi là đặc điểm của người lớn nhưng khả năng này có thể bộc lộ ở lứa tuổi mầm non. Ông giải thích rằng thực tế một đứa trẻ có khả năng sáng tạo bằng lời nói ở mức độ làm chủ lời nói và các đặc điểm nhân cách khác [4]. Vấn đề hình thành khả năng sáng tạo lời nói hay còn gọi là nói sáng tạo của trẻ mầm non từ lâu cũng đã được nghiên cứu bởi E. I. Tikheeva, E. A. Flerina, M. M. Konina, L. A. Penevskaya, N. A. Orlanova, O. S. Ushakova, L. M. Voropshina, E. P. Korotkova, A. E. Shibitskaya và một số nhà khoa học khác thông qua các chủ đề liên quan đến kể chuyện sáng tạo bởi lẽ kể chuyện sáng tạo của trẻ được coi là một loại hình hoạt động thể hiện

Ngày nhận bài: 2/8/2022. Ngày sửa bài: 22/8/2022. Ngày nhận đăng: 10/9/2022.

Tác giả liên hệ: Trần Việt Nhi. Địa chỉ e-mail: tranvietnhi@dhsphue.edu.vn

toàn bộ nhân cách của trẻ, đòi hỏi sự hoạt động tích cực của trí tưởng tượng, tư duy, lời nói, óc quan sát, ý chí và sự tham gia của những cảm xúc tích cực [4]. Việc đánh giá khả năng sáng tạo ngôn ngữ chủ yếu thông qua phân tích các câu chuyện của trẻ với các tiêu chí như: cấu trúc ngữ nghĩa, tính liên kết, độ phức tạp, cấu trúc cú pháp, tính nguyên bản và sự sáng tạo về từ vựng [4].

Cho đến nay, nhiều khía cạnh liên quan đến khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non đã được khai thác như khả năng sáng tạo cú pháp [5-6], khả năng sáng tạo từ ngữ [7] [6], phát triển khả năng viết sáng tạo [8]. Việc phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ thường được các tác giả tiếp cận qua hoạt động kể chuyện [9-11], trò chơi ngôn ngữ [12-14], các hoạt động làm truyện và sách tranh [15-16], làm phim và sử dụng câu đố [4]; sử dụng hoạt động nghệ thuật sân khấu [17]; sử dụng công nghệ TRIZ trong phát triển lời nói sáng tạo ở trẻ mẫu giáo [18]. Các nghiên cứu này đều cho rằng, khả năng sáng tạo ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong quá trình sản sinh ngôn ngữ ở trẻ em, giúp trẻ có thể hiểu và diễn đạt suy nghĩ của mình vượt ra ngoài vốn ngôn ngữ mà bản thân đang có. Có thể nói, vấn đề sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non đã được nhiều học giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu.

Ở Việt Nam, thuật ngữ sáng tạo ngôn ngữ chưa được sử dụng nhiều trong giáo dục mầm non. Trong tài liệu về kể chuyện cổ tích thần kì cho trẻ mầm non, tác giả Hà Nguyễn Kim Giang (2002) [19, tr. 64] có nhắc đến khả năng sáng tạo trong ngôn ngữ của trẻ nhưng không phân tích sâu. Một số ấn phẩm sách của tác giả Lê Thị Bắc Lý (2013) [20], Đinh Hồng Thái (2015) [21], Đinh Thanh Tuyền (2019) [22] xem sáng tạo ngôn ngữ như là một phạm trù của ngôn ngữ nghệ thuật [6]. Tuy vậy, các nghiên cứu và công bố về sáng tạo ngôn ngữ ở tuổi mầm non là rất ít ỏi.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm nhấn mạnh rằng sáng tạo ngôn ngữ ở tuổi mầm non là chủ đề nghiên cứu thú vị, cần được quan tâm nhiều hơn trong GDMN ở Việt Nam. Trên cơ sở tìm hiểu khái niệm, bản chất và đặc điểm sáng tạo ngôn ngữ của trẻ em, nhóm tác giả đề xuất một số định hướng nghiên cứu nhằm hỗ trợ khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp tài liệu. Tài liệu nghiên cứu bao gồm các bài báo khoa học, sách và giáo trình về chủ đề sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non. Bên cạnh sách và giáo trình tiếng Việt bản in, các tài liệu tiếng Anh và tiếng Nga là bản mềm được tìm kiếm qua “Google Scholar”, và các ứng dụng tìm kiếm khác. Các từ khóa tìm kiếm tài liệu cụ thể như sau:

Bảng 1. Các từ khóa tìm kiếm

Tiếng Anh	Tiếng Nga
Thành phần 1: “Language creativity” OR “Linguistic creativity”	Thành phần 1: “Языковое творчество” “речевое творчество”
Thành phần 2: “Kindergarteners” OR “Preschoolers” OR “Young children” OR “Preschool children”	Thành phần 2: “Детские садовники” ИЛИ “Дошкольники” ИЛИ “Маленькие дети”

Sau khi tìm kiếm các tài liệu, chúng tôi tiến hành đọc lướt tiêu đề, từ khóa và tóm tắt để chọn lọc, phân loại theo nhóm nội dung. Sau đó, tài liệu được đọc kĩ, phân tích, tổng hợp các nội dung có liên quan để hoàn thành bản thảo nghiên cứu.

2.2. Khái lược về sáng tạo ngôn ngữ

Ngôn ngữ là một hệ thống giao tiếp bao gồm các ký hiệu âm thanh và các quy tắc được sử dụng để vận dụng chúng. “*Trong tất cả các hình thức biểu tượng, ngôn ngữ là hình thức phát*

triển cao nhất, tinh tế nhất và phức tạp nhất” [23]. Ngôn ngữ kết nối sâu sắc với văn hóa và hành vi của con người, “là phương tiện để tạo ra vô số cách thể hiện mới lạ về cơ bản và công cụ suy luận để dự đoán các sự kiện, sắp xếp kỷ ức và lập kế hoạch hành vi. Nó hoàn toàn định hình suy nghĩ của chúng ta và cách chúng ta biết thế giới vật chất” [24]. Trong những năm đầu đời, việc học ngôn ngữ chủ yếu bao gồm học các âm thanh, các mẫu từ, các quy tắc tạo từ và xâu chuỗi chúng lại với nhau. Sau khi học được những điều này, người nói phát triển các kỹ năng tự động hóa cao và việc sử dụng ngôn ngữ phần lớn trở thành tiềm thức và gần như hoàn toàn sáng tạo.

Philip Seargeant và Zsófia Demjén (2022) [25] chỉ ra ba hướng tiếp cận cơ bản trong các nghiên cứu về sáng tạo ngôn ngữ:

Thứ nhất, quan điểm về sáng tạo ngôn ngữ gắn liền với văn học kinh điển khi cho rằng ngôn ngữ văn học khác biệt hẳn với ngôn ngữ được sử dụng trong ngữ cảnh hàng ngày. Cho đến đầu thế kỷ XX, các nhà Tâm lý, Ngôn ngữ ở Nga đã nỗ lực nghiên cứu nhằm xác định các đặc điểm của ngôn ngữ văn học vào những năm đầu thế kỷ XX. Những nghiên cứu ban đầu này về các thuộc tính của ngôn ngữ văn học có ảnh hưởng trong việc miêu tả, so sánh và phân tích ngôn ngữ mặc dù quan điểm này không còn là quan điểm chủ đạo trong các nghiên cứu hiện nay [26]. Điều này tạo nên cơ sở của lăng kính đầu tiên để khám phá sự sáng tạo ngôn ngữ dựa trên văn bản. Các ấn phẩm, nghiên cứu gần đây ở Việt Nam phần lớn cũng dựa trên góc nhìn này.

Thứ hai, từ nửa sau thế kỷ XX trở đi, các nghiên cứu trong lĩnh vực nhân học ngôn ngữ và xã hội học đã nêu bật ý tưởng rằng giao tiếp của con người không chỉ đơn thuần là ngôn ngữ. Bối cảnh xã hội, văn hóa và lịch sử nơi giao tiếp diễn ra tác động đến cách thức và mục đích giao tiếp. Giao tiếp không chỉ là truyền tải thông tin đơn thuần, mà còn là một cách để xây dựng và duy trì các mối quan hệ, xây dựng bản sắc và thế giới (bối cảnh) xung quanh chúng ta. Việc đánh giá cao tính gắn kết của ngôn ngữ và bối cảnh sử dụng của nó mang lại cho chúng ta tầm nhìn thứ hai để xem sự sáng tạo ngôn ngữ, đó là lăng kính ngữ cảnh.

Thứ ba, góc nhìn này xuất phát từ việc đánh giá cao bối cảnh, nhưng nó đặt câu hỏi về các giá trị và giả định được gắn trong bối cảnh đó. Đây là ý tưởng cho rằng các khái niệm, định nghĩa, những thứ xung quanh chúng ta và phản ứng của chúng ta với chúng cần được “giải mã” để có thể hiểu đúng. Hướng tiếp cận này trả lời các câu hỏi: Ai quyết định điều gì được coi là tốt hoặc phù hợp? Những tác động xã hội rộng lớn hơn của sự sáng tạo ngôn ngữ là gì, và nó được đánh giá như thế nào? Tiếp cận này có đóng góp quan trọng cho các nghiên cứu sau này.

Về *khái niệm*, sáng tạo ngôn ngữ có thể được hiểu là sự sáng tạo được thể hiện bởi một cá nhân trong việc sử dụng ngôn ngữ dưới các hình thức nói hay viết. Sáng tạo ngôn ngữ cũng bao gồm các đặc điểm tương tự sự sáng tạo chung như tính nguyên bản, tính linh hoạt, tính trôi chảy và công phu [27], [28]. “Sáng tạo là một đặc điểm phổ biến của ngôn ngữ hàng ngày và khả năng sáng tạo ngôn ngữ không chỉ đơn giản là tài sản của những người xuất chúng mà còn là tài sản đặc biệt của tất cả mọi người” [29, tr. 13]. Zawada, B. (2006) cũng cho rằng, sáng tạo là một đặc tính cần thiết và có sức lan tỏa, nhưng đa chiều của tất cả con người, không phân biệt tuổi tác, học vấn, trí thông minh, địa vị xã hội. sáng tạo ngôn ngữ là hoạt động tạo ra ý nghĩa mới của người nói và người tiếp nhận giải thích lại ý nghĩa đó. Sáng tạo ngôn ngữ có thể được quan sát được dưới dạng một sản phẩm ngôn ngữ, biểu hiện trong tất cả các khía cạnh của ngôn ngữ như vốn từ, văn phạm, chữ viết và đàm luận [30].

Về *bối cảnh*, sáng tạo ngôn ngữ là được thể hiện trong các trường hợp cụ thể bởi người nói và được thúc đẩy bởi nhiều lí do khác nhau. Richard J. Gerrig & Raymond W. Gibbs Jr. (1988) mô tả hai loại động cơ thúc đẩy người nói chuyển sang sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo. Yếu tố thúc đẩy đầu tiên là người nói cần phải “điền đạt những ý tưởng không có trong kho ý nghĩa được chuẩn hóa” [31, tr. 3]. Loại yếu tố thúc đẩy thứ hai là các yếu tố xã hội, bao gồm cả những yếu tố xã hội thực dụng và tổng quát hơn. Điều quan trọng cần ghi nhớ là những động

lực thúc đẩy sự sáng tạo ngôn ngữ là động lực của người sử dụng ngôn ngữ.

Về vai trò, sáng tạo ngôn ngữ có vai trò quan trọng trong việc trình bày các ý tưởng một cách hiệu quả và rõ ràng. Sự sáng tạo trong cách sử dụng ngôn ngữ được nhìn nhận ở nhiều cấp độ, được thể hiện trong việc phát âm các âm thanh bản địa của một ngôn ngữ, các từ, cụm từ và câu. Sáng tạo ngôn ngữ được thể hiện dưới những hình thức của vô số các đơn vị giao tiếp độc đáo (bao gồm cả từ và nghĩa) được tạo ra bằng cách sử dụng một kho tàng của một ngôn ngữ. Cách sử dụng từ ngữ, âm điệu, ngữ điệu và sự im lặng của một cá nhân là một chức năng của sự sáng tạo ngôn ngữ. Do đó, hành động nói của con người là một quá trình sáng tạo và phức tạp, trong đó âm thanh được sử dụng để biểu thị ý nghĩa. Hành động nghe và đọc bao gồm các thành phần của sự sáng tạo, dựa trên bối cảnh để nắm bắt khái niệm, diễn giải văn bản theo những cách mới và phát triển ý tưởng mới bằng cách vận dụng những ý tưởng đã trình bày. Sáng tạo trong văn bản cũng là một trong những khả năng sáng tạo, người viết sử dụng các thao tác để tạo ra những ý nghĩa mới và sáng tạo bằng cách sử dụng các dấu hiệu ngôn ngữ thông thường [27]. Sáng tạo ngôn ngữ đòi hỏi sự kết nối trực tiếp và chân thực giữa nội dung và hình thức thông qua việc kích thích vô số phương thức, phong cách và cách suy nghĩ. Vì vậy, sáng tạo ngôn ngữ mở ra khả năng nhìn vào cái đã biết và cái quen thuộc thông qua cái không quen thuộc và chưa biết một cách mới lạ để có thể diễn đạt những dòng suy nghĩ, dòng chảy tâm trí bằng nhiều cách khác nhau.

2.3. Khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non

Cho đến nay, có nhiều nghiên cứu đề cập đến các biện pháp phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ em lứa tuổi mầm non. Các nghiên cứu này chủ yếu đến từ các nước Nga, Ukraina, Qata, Ba Lan, Anh, Ấn Độ, đặc biệt là ở Nga, chủ yếu tập trung vào vấn đề sáng tạo trong lời nói của trẻ mẫu giáo thông qua các hoạt động làm quen với thơ, truyện kể dân gian, trò chơi ngôn ngữ. Những nội dung được tổng hợp dưới đây chủ yếu đề cập đến sáng tạo ngôn ngữ của trẻ trên phương diện lời nói.

2.3.1. Bản chất của sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non

Sáng tạo ngôn ngữ là một loại hoạt động có năng suất, kết quả cuối cùng của nó phải là một văn bản mạch lạc, được xây dựng một cách logic [32, tr.13]. Phần lớn các nghiên cứu gần đây xem xét khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non ở góc độ lời nói sáng tạo. Theo đó, kết quả của quá trình này là việc tạo ra một dạng lời nói mới hoặc việc thu nhận kiến thức mới một cách độc lập của đứa trẻ [33, tr. 27], có thể là một câu đố, một câu chuyện dựa trên tranh ảnh, một câu chuyện cổ tích. Trong cấu trúc của sáng tạo lời nói, các thành phần nhận thức, phản xạ (phân tích) và năng suất (biến đổi) được phân biệt cụ thể, chủ yếu liên quan đến động cơ sáng tạo của trẻ [34, tr. 13-14].

Trong một nghiên cứu về sự sản sinh và sáng tạo ngôn ngữ của trẻ em, Haifa Al-Buainain và cộng sự (2012) kết luận rằng: *“Trẻ em có năng lực bẩm sinh trong việc học ngôn ngữ. Khi học một ngôn ngữ, trẻ có xu hướng “góp nhặt” những quy tắc ngữ pháp, các quy tắc âm vị, hình thái, cú pháp và ngữ nghĩa của ngôn ngữ đó. Điều này cho phép trẻ phân tích ngôn ngữ trong môi trường của mình, tạo ra và tinh chỉnh ngữ pháp theo cách riêng cho đến khi chúng có thể hiểu và tạo ra đầy đủ các cách nói như người lớn”* [35]. Mateusz Szurekv (2021) [21] cũng cho rằng, ở tuổi mẫu giáo (3-6 tuổi), để thỏa mãn nhu cầu khám phá thế giới xung quanh và giao tiếp, trẻ bù đắp sự thiếu hụt vốn từ vựng bằng cách tạo ra các từ mới. Nhờ thế mà trẻ có thể bộc lộ tâm tư, tình cảm và nội dung muốn truyền tải. Việc trẻ sản sinh các từ phái sinh xảy ra khi kiến thức và từ vựng liên quan đến nó kết thúc, được tạo ra từ nhu cầu diễn đạt ý nghĩ bằng lời nói, mạnh hơn nỗi sợ mắc lỗi ngôn ngữ [6]. Khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ em có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: (1) trong việc tạo ra từ ngữ (việc trẻ em tạo ra các từ mới); (2) trong cách kể chuyện sáng tạo; mô tả các tác phẩm nghệ thuật; (3) trong sáng tạo thơ (sáng tạo câu đố, ngụ ngôn, tác phẩm thơ của riêng trẻ); (4) trong việc viết truyện cổ tích [36].

2.3.2. Đặc điểm khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non

Khả năng sáng tạo ngôn ngữ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như sự phát triển của nhận thức, kinh nghiệm sống, tổ chức cá nhân và mức độ trẻ tiếp cận với tác phẩm văn chương. Đồng quan điểm này có các tác giả tiêu biểu như L. S. Vygotsky, S. F. Kozlov, N.A. Vetlugina, N.P. Sakulina, E. A. Flerina, N. A. Vetlugina, ... (dẫn theo K. I. Chukovsky, 1963) [37]. Theo đó, trẻ càng lớn càng có sự phong phú, đa dạng, sáng tạo trong ngôn ngữ. Theo Vygotsky, đặc điểm sáng tạo nói chung và sáng tạo ngôn ngữ nói riêng của trẻ dưới 6 tuổi là tự nhiên, hứng khởi, không bị ràng buộc theo khuôn mẫu và có nét riêng mang tính tự phát. Sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non được thể hiện trên các phương diện của lời nói như sáng tạo từ ngữ; sáng tạo trong câu văn, giọng nói; sáng tạo trong kể chuyện và sử dụng các phương tiện nghệ thuật. [37] [38]

Trẻ dưới 3 tuổi chưa nhiều vốn từ, sử dụng từ chưa chính xác, chưa tích lũy nhiều mẫu câu nên khả năng sáng tạo ngôn ngữ còn hạn chế. Giai đoạn mẫu giáo bé xuất hiện ngôn ngữ hình tượng, trẻ bắt đầu học cách so sánh các đối tượng và sử dụng các từ ngữ để so sánh. Đến 4 tuổi, khả năng sáng tác văn miêu tả và câu đố miêu tả của trẻ phát triển. Ở giai đoạn cuối, trẻ 5-7 tuổi có tố chất khá tốt có khả năng sáng tác những câu chuyện miêu tả, những câu đố ẩn dụ. Điều này tạo cơ sở cho sự phát triển khả năng sáng tạo lời nói. Sáng tạo ngôn ngữ được phát triển mạnh mẽ vào giai đoạn trẻ 4 tuổi trở đi.

Trong công trình nghiên cứu của O. I. Xolovieva, M. Ia. Pakroxopkaia, các tác giả kết luận rằng trẻ mẫu giáo rất tinh nhạy với lời nói và đặc biệt là đối với hình thái ngữ pháp của từ [dẫn theo 39, tr. 87-88]. Trẻ 4 tuổi bắt đầu nhận thấy mối liên hệ giữa cấu trúc của từ và chức năng của đối tượng (người, đồ vật) mà từ này biểu thị, do đó trẻ tích cực thử nghiệm với từ. Đây cũng được xem là giai đoạn “bùng nổ” từ ngữ sáng tạo. Trẻ thích thú với việc tạo ra từ mới và sử dụng chúng thường xuyên dưới nhiều hình thức khác nhau. Ví dụ để nói về những đối tượng nhỏ bé, trẻ sử dụng từ “con” để thay thế (con dê con, con cừu con, cái chén con, ...) hoặc dùng từ “không lồ”, “bự chảng”, ... để miêu tả những đối tượng to lớn, đồ sộ (hàm cá sấu khổng lồ, cái tô bự chảng, ...). Ngoài ra, trẻ có khả năng sử dụng các từ trái nghĩa, đồng nghĩa, các từ láy tượng thanh, tượng hình và sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, so sánh, nhân hóa trong quá trình giao tiếp với người lớn hoặc kể chuyện. Trẻ có thể tìm kiếm và thay thế từ mới cho những từ có sẵn trong bài thơ hoặc chuyện kể theo kinh nghiệm của mình. Trẻ 4 tuổi có thể xem tranh vẽ và “sáng tác” nội dung truyện kể và nội dung chuyện kể của trẻ vẫn mang dấu ấn kinh nghiệm cá nhân. Ngoài ra, trẻ có thể nghĩ và thay đổi phần mở đầu, kết thúc câu chuyện đã được nghe trước đó. Cuối 4 tuổi, trẻ có khả năng kể lại sáng tạo trong vai một nhân vật của truyện. [40, tr38-39]

Trẻ 5 tuổi có khả năng phân biệt các loại truyện nhờ có sự tích cực đồng hóa cấu trúc lời nói và các loại truyện (miêu tả, miêu tả, kể chuyện, tường thuật, suy luận, truyện sáng tạo). Trẻ mẫu giáo biết miêu tả bắt đầu bằng việc trình bày tên đồ vật (hoặc hiện tượng), sau đó liệt kê các dấu hiệu, phẩm chất, hành động và tính chất. Mô tả có “cấu trúc mềm”, cho phép trẻ hoán đổi các chất lượng hoặc đặc điểm của đối tượng, nhưng bản chất không thay đổi. Trẻ hiểu rằng một câu chuyện là một tình tiết phát triển theo thời gian và theo một trình tự hợp lí. Cấu trúc của câu chuyện chặt chẽ và được duy trì rõ ràng: cốt truyện, sự phát triển của hành động, cao trào và kết luận. Trẻ lứa tuổi này làm chủ cuộc độc thoại. Lời nói của trẻ trở thành ngữ cảnh, không phụ thuộc vào tình huống giao tiếp. Song song với việc phát triển lời nói mạch lạc, cấu trúc ngữ pháp được cải thiện, mặt ngữ nghĩa của từ và vốn từ của ngôn ngữ nói chung được nâng cao. Do vậy, trẻ đầu 5 tuổi đã có khả năng kể chuyện sáng tạo bằng nhiều hình thức như kể chuyện theo tranh; kể tiếp chuyện; nghe âm thanh và kể lại truyện; kể chuyện sáng tạo với sách tranh không chữ; sử dụng búp bê, đồ chơi để kể chuyện; kể chuyện theo kí hiệu, sơ đồ hóa, mô hình hóa ... [41, tr.190]. Trẻ có thể kể chuyện diễn cảm, sáng tạo trong giọng điệu nhân vật kết hợp với yếu tố phi ngôn ngữ như ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ. Nếu được giáo viên kích thích sự liên

tưởng của trẻ, sử dụng linh hoạt các biện pháp như trò chơi ngôn ngữ (“Soạn một cụm từ”, “Làm hai câu chuyện”, “Đầu câu chuyện ở đâu?”, “Chuyện gì trên đời không xảy ra?”, “Và tôi sẽ...”, “Sửa lỗi”, “Bức ảnh nào không cần thiết? ...), làm câu đố với trẻ, thường xuyên tổ chức hoạt động kể chuyện sáng tạo, tổ chức cho trẻ đóng kịch, v.v... sẽ góp phần nâng cao khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non.

2.3.3. Quá trình phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ mầm non

Trong khoa học sư phạm, sáng tạo được định nghĩa là một hoạt động nhằm tạo ra một sản phẩm có ý nghĩa xã hội có tác động đến sự biến đổi của môi trường. Giá trị sáng tạo của trẻ chỉ giới hạn trong việc tạo ra cái mới cho bản thân, và điều này quyết định giá trị của sự sáng tạo đối với sự hình thành nhân cách. [42]

Sáng tạo bằng lời nói là một phần của sự phát triển toàn diện khả năng sáng tạo của trẻ mầm non trong các loại hình hoạt động nghệ thuật. Cơ sở hình thành của nó là nhận thức tác phẩm văn học, làm quen với các thể loại tác phẩm văn học khác nhau, đặc biệt là truyện cổ tích - mảnh đất màu mỡ nhất để phát triển sáng tạo ngôn ngữ; tham gia hoạt động nghệ thuật như đóng kịch, kể chuyện [9] [10] [11] [19] [20] [22]; trò chơi ngôn ngữ [13] [14], các hoạt động làm truyện và sách tranh [15] [16], làm phim và sử dụng câu đố [4].

❖ *Quá trình hình thành khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ em*

Theo Ветлугина, Н.А (1972) [42], quá trình hình thành khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ em trải qua 3 giai đoạn cụ thể:

Giai đoạn đầu tiên là tích lũy kinh nghiệm. Vai trò của giáo viên là tổ chức các hoạt động quan sát cuộc sống có ảnh hưởng đến sự sáng tạo của trẻ. Đứa trẻ phải được dạy cách nhìn tượng hình về môi trường (tri giác có được màu sắc thẩm mỹ). Nghệ thuật có vai trò đặc biệt trong việc làm phong phú thêm nhận thức, giúp trẻ cảm thấy cuộc sống tươi đẹp hơn, góp phần làm xuất hiện những hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm của mình.

Giai đoạn thứ hai là quá trình sáng tạo thực tế của trẻ, khi nảy sinh một ý tưởng, việc tìm kiếm các phương tiện nghệ thuật đang được tiến hành. Quá trình sáng tạo của trẻ không phát triển theo thời gian. Việc nảy sinh ý tưởng ở trẻ sẽ thành công nếu trẻ có thái độ với một hoạt động mới (hãy nghĩ về một câu chuyện). Sự hiện diện của một kế hoạch khuyến khích trẻ em tìm kiếm các phương tiện để thực hiện nó: tìm kiếm bộ cục, làm nổi bật hành động của các nhân vật, lựa chọn từ ngữ, đoạn văn. Các nhiệm vụ sáng tạo có tầm quan trọng lớn ở đây.

Ở giai đoạn thứ ba, sản phẩm mới xuất hiện. Đứa trẻ quan tâm đến chất lượng của nó, phấn đấu để hoàn thành nó, trải nghiệm niềm vui thẩm mỹ. Vì vậy, cần phân tích kết quả sáng tạo, sự quan tâm của các em. Sự phân tích cũng cần thiết cho việc hình thành thị hiếu nghệ thuật.

❖ *Điều kiện hình thành khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ em* [43]

Một trong những điều kiện thành công của trẻ trong hoạt động sáng tạo là không ngừng làm giàu kinh nghiệm bằng những ấn tượng cuộc sống. Công việc này có thể có tính chất khác tùy theo nhiệm vụ cụ thể: du ngoạn, quan sát công việc của người lớn, xem tranh, album, hình minh họa trong sách báo, đọc sách. Trong đó, đọc sách có ý nghĩa trong việc cung cấp những ví dụ điển hình về ngôn ngữ văn học, các biện pháp nghệ thuật (ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, điệp từ, điệp ngữ, ...), các từ ngữ nghệ thuật được chọn lọc cùng với cấu trúc, hình thức nghệ thuật, phong cách và ngôn ngữ đặc biệt. Tất cả điều này ảnh hưởng đến khả năng sáng tạo bằng lời nói của trẻ em.

Một điều kiện quan trọng khác để thành công trong kể chuyện sáng tạo là sự phong phú và kích hoạt vốn từ vựng. Trẻ em cần được bổ sung và kích hoạt từ vựng, nhất là những từ ngữ nghệ thuật giúp miêu tả kinh nghiệm, đặc điểm tính cách của nhân vật. Vì vậy, quá trình làm giàu kinh nghiệm của trẻ có quan hệ mật thiết với việc hình thành khái niệm mới, một vốn từ mới và khả năng sử dụng vốn từ sẵn có.

Một câu chuyện sáng tạo là một loại hoạt động hiệu quả; kết quả cuối cùng của nó phải là câu chuyện mạch lạc, nhất quán về mặt logic. Vì vậy, một trong những điều kiện là trẻ có khả năng kể câu chuyện mạch lạc, nắm vững cấu trúc của một câu văn mạch lạc, biết bố cục của một câu chuyện tự sự hay miêu tả.

Một điều kiện khác là trẻ hiểu đúng về nhiệm vụ “phát minh”, tức là để tạo ra một cái gì đó mới, để nói về một cái gì đó thực sự không tồn tại, hoặc bản thân trẻ không nhìn thấy nó, nhưng “nghĩ ra nó” (mặc dù theo kinh nghiệm của những người khác có thể có một sự thật tương tự).

Chủ đề của các câu chuyện sáng tạo cần gắn với nhiệm vụ chung là giáo dục trẻ em có thái độ sống đúng đắn với cuộc sống xung quanh, tôn trọng người lớn tuổi, yêu thương em nhỏ, tình bạn, tình đồng chí. Chủ đề cần gắn gũi với trải nghiệm của trẻ (để hình ảnh trực quan nảy sinh trên cơ sở trí tưởng tượng), dễ hiểu và thú vị của trẻ. Sau đó, họ sẽ có mong muốn nghĩ ra một câu chuyện hoặc một câu chuyện cổ tích.

❖ *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ*

Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển khả năng sáng tạo lời nói là **sự phong phú trải nghiệm của trẻ với những ấn tượng từ cuộc sống trong quá trình quan sát thực tế xung quanh có mục đích**. Điều quan trọng là phải xác lập các dạng mối quan hệ giữa thiên nhiên và hình tượng nghệ thuật, xem xét các cách thể hiện hiện tượng thiên nhiên trong văn học thiếu nhi, tạo điều kiện tối ưu cho sự phát triển khả năng cảm nhận thiên nhiên của trẻ em, so sánh hiện tượng quan sát được với hình tượng nghệ thuật, và để đánh giá chúng một cách có động cơ [44].

A.E. Shibitskaya (Шибитская А.Е., 1974) [45] chỉ ra rằng một trong những yếu tố quyết định sự phát triển khả năng sáng tạo lời nói của trẻ em cần được nhìn nhận là **ảnh hưởng của văn học dân gian**. Thứ nhất, văn học dân gian có ảnh hưởng giáo dục đến nhân cách của trẻ em, hình thành các khả năng nghệ thuật cần thiết cho một quá trình phức tạp như sáng tạo lời nói, tức là tạo ra các điều kiện tiên quyết cho sự xuất hiện của nó. Thứ hai, tác động trực tiếp đến hoạt động lời nói của trẻ, phát triển lời nói tượng hình [46].

Động cơ của hoạt động lời nói. Tất cả các nhà nghiên cứu đều nhất trí công nhận rằng động lực có tầm quan trọng lớn, khuyến khích trẻ hoạt động. Nhưng trong thực tế, điều này thường bị lãng quên. Việc hình thành một nhiệm vụ nhận thức vẫn chưa đủ để kích hoạt hoạt động trí óc, mà nhiệm vụ đó không chỉ được trẻ hiểu mà còn phải được trẻ chấp nhận, để nó ảnh hưởng đến lợi ích của trẻ. L.A. Voroshnina (1977) [47] lưu ý rằng cần phải tìm ra động cơ có ý nghĩa đối với đứa trẻ. Sử dụng những động cơ này trong việc tiến hành lớp học đã thu được những kết quả sau: trẻ em ham muốn kể và nghe câu chuyện của các bạn cùng lứa tuổi, số lượng và chất lượng các câu chuyện sáng tác tăng lên.

Những động cơ sau đây có ý nghĩa quan trọng đối với sự sáng tạo của trẻ em: (1) Trò chơi (tạo tình huống đồ chơi đến thăm, yêu cầu trẻ phải sáng tác một cái gì đó cho đồ chơi hoặc về đồ chơi); (2) Thi đua (ai sẽ sáng tác tốt hơn); (3) Động cơ cá nhân (sáng tác để làm hài lòng bạn); (4) Chuẩn bị vào trường tiểu học.

Việc sử dụng những động cơ này giúp giáo viên tạo cho trẻ khả năng sáng tạo bằng lời nói, giải thích cho hiểu hiểu tất cả những điều này nhằm mục đích gì.

2.4. Một số định hướng nghiên cứu nhằm hỗ trợ sự phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non

Qua phân tích, có thể thấy vấn đề sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non được quan tâm nghiên cứu trên thế giới trong nhiều năm gần đây. Ở Việt Nam, mặc dù một số vấn đề có liên quan đến phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ đã được đề cập trong các sách, giáo trình nhưng vẫn chưa xuất hiện nhiều trên các công bố khoa học. Chính vì vậy, các nghiên cứu trong tương lai có thể tập trung vào một số chủ đề như sau:

(1) Quá trình học ngôn ngữ của trẻ mầm non Việt Nam theo độ tuổi và cơ chế hình thành khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ.

(2) Xây dựng các thang đo khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non như sáng tạo từ ngữ, sáng tạo cú pháp, sáng tạo lời nói hay khả năng sáng tạo ngôn ngữ chung.

(3) Nghiên cứu mối liên hệ giữa khả năng sáng tạo chung với khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non Việt Nam.

(4) Đánh giá thực trạng khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non ở Việt Nam theo độ tuổi, vùng miền, địa bàn, giới tính.

(5) Nghiên cứu so sánh sự sáng tạo trong ngôn ngữ của trẻ em Việt Nam với các ngôn ngữ khác trên thế giới; sự sáng tạo ngôn ngữ thứ hai so với ngôn ngữ mẹ đẻ.

(6) Khám phá tác động của các biện pháp, hoạt động như kể chuyện, trò chơi ngôn ngữ, đóng kịch, đồ vui, bài tập ngôn ngữ... lên sự phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non.

(7) Xây dựng các biện pháp nhằm phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ mầm non Việt Nam tại trường mầm non và trong gia đình.

(8) Nghiên cứu xây dựng các tài liệu, học liệu, giáo trình về phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ mầm non để phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non.

Những hướng nghiên cứu được gợi ý ở trên nếu được thực hiện, sẽ không những góp phần xây dựng vững chắc nền tảng lí luận về phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ em lứa tuổi mầm non, mà còn có tác động tích cực đến thực tiễn phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ ở gia đình và trường mầm non.

3. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm nhấn mạnh sự cần thiết phải đẩy mạnh nghiên cứu và thực hành phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ em độ tuổi mầm non. Mặc dù vấn đề sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non đã được công nhận và quan tâm nghiên cứu, lí luận về chủ đề này vẫn chưa sáng tỏ và hệ thống. Trong bối cảnh GDMN Việt Nam, khái niệm sáng tạo ngôn ngữ là tương đối mới. Khái niệm này mặc dù được đề cập ở một số sách và tài liệu nhưng chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều. Trên cơ sở tập trung làm rõ khái niệm, bản chất và đặc điểm khả năng sáng tạo ngôn ngữ của trẻ mầm non, nhóm tác giả đã đề xuất một số định hướng nghiên cứu nhằm hỗ trợ sự phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ cho trẻ mầm non.

Đây là nghiên cứu mang tính chất khai phá khái niệm và đặt vấn đề. Nội dung bài viết chủ yếu khai thác các tài liệu thứ cấp ở trong và ngoài nước, từ đó đặt ra những định hướng nghiên cứu trong bối cảnh Việt Nam. Các nghiên cứu trong tương lai cần khám phá đa dạng các chủ đề như: khả năng sáng tạo ngôn từ, sáng tạo cú pháp trong lời nói của trẻ em và tác động của các biện pháp, hoạt động như kể chuyện, trò chơi ngôn ngữ, đóng kịch, đồ vui... lên sự phát triển khả năng sáng tạo ngôn ngữ ở trẻ mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vygotsky, L.S., 1990, Imagination and Creativity in Childhood. *Journal of Russian & East European Psychology*, 42, 7 - 97.
- [2] Sharp, C., 2004, *Developing young children's creativity: What can we learn from research?* Topic, 32, 5-12. Truy xuất tại: <http://www.nfer.ac.uk/55502/>.
- [3] Chomsky, C.L., 1976, 2009. Creativity and Innovation in Child Language. *Journal of Education*, 189, 37 - 42.

- [4] Н. В. Тимофеева, 2020. *Развитие речевого творчества дошкольника*, Учебно-методическое пособие. Санкт-Петербург.
- [5] Lieven, E., Behrens, H., Speares, J., & Tomasello, M., 2003. Early syntactic creativity: a usage-based approach. *Journal of child language*, 30 2, 333-70.
- [6] Mateusz Szurek, 2021. *Language creativity in preschool children. Interdisciplinary Contexts of Special Pedagogy*, No. 33, Poznań 2021. Pp. 65–80. Adam Mickiewicz University Press. ISSN 2300-391X. eISSN 2658-283X. DOI: <https://doi.org/10.14746/ikps.2021.33.05>
- [7] Т. А. ГРИДИНА, 2017. *Языковое творчество в сфере детской речи: овладение и владение языком*. Truy xuất tại: <http://journals.uspu.ru/attachments/article/1810/%D1%81%D1%82%D0%B0%D1%82%D1%8C%D1%8F01.pdf>
- [8] Vazir, N., Ismail, S., 2009. Developing creative writing skills in early childhood: A case study from Pakistan. *Journal of Educational Research*, 12(2).
- [9] Smogorzewska, J., 2014. Developing children's language creativity through telling stories – An experimental study. *Thinking Skills and Creativity*, 13, 20-31.
- [10] Smogorzewska, J., 2019. “Storyline” or “Associations Pyramid”? A Relationship Between the Difficulty of Educational Methods and Their Effectiveness in Developing Language Creativity Among Pre-School Children. *Psychology of Language and Communication*, 23, 27 - 47.
- [11] Macleroy, V, Hackney, C and Sahmland, S, 2021. An Exploration of how Children’s Language Learning can be Transformed when Teachers Place Creativity and Stories at the Centre of the Curriculum and Experiment with Digital Storytelling in the Classroom. *Modern Languages Open*, 2021(1): 18 pp. 1–15. DOI: <https://doi.org/10.3828/mlo.v0i0.348>
- [12] Гожина Ольга Леонидовна, 2008. *Развитие творческого мышления старших дошкольников в языковой игре*. Вестник Костромского государственного университета, 14, 33-37.
- [13] Sekaite, A., 2018. Microgenesis of language creativity: Innovation, conformity and incongruence in children's language play. *Language Sciences*, 65, 26-36.
- [14] Holmes, R., Kohm, K.E., Genise, S., Koolidge, L., Mendelson, D., Romeo, L., & Bant, C., 2020. Is there a connection between children’s language skills, creativity, and play? *Early Child Development and Care*, 192, 1178 - 1189.
- [15] Гридина Татьяна Александровна, 2013. *Язык как творчество: аспекты изучения детской «неологии»*. Педагогическое образование в России. 2013. № 6
- [16] Ching-Han, Y., Jui-Ching, C. & Mei-Ju, C., 2016. Empowering children’s creativity with the instruction of wordless picture books. *European Journal of Research and Reflection in Educational Sciences*, 4 (7), 1-16.
- [17] Танина Любовь Васильевна. Развитие словесного творчества в художественной деятельности дошкольников: Дис. ... канд. пед. наук : 13.00.01 : Москва, 1999. 167 с. РГБ ОД, 61:00-13/88-7);
- [18] Сегова Татьяна Дмитриевна, 2018. Возможности технологии ТРИЗ в развитии речевого творчества детей старшего дошкольного возраста. *Проблемы современного педагогического образования*, (60-1), 250-255.
- [19] Hà Nguyễn Kim Giang, 2002. *Phương pháp kể sáng tạo truyện cổ tích thần kì cho trẻ mẫu giáo*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

- [20] Lã Thị Bắc Lý, 2013. Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Nxb Đại học Sư phạm.
- [21] Đinh Hồng Thái, 2015. Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non. Nxb Đại học Sư phạm.
- [22] Đinh Thanh Tuyên, 2019. Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non. Nxb Đại học Sư phạm.
- [23] Hayakawa, S. J., 1949. *Language in Thought and Action*. Harcourt, Brace.
- [24] Deacon, Terrence William, 1977. *The Symbolic Species: the Co-Evolution of Language and the Brain*. New York: W.W. Norton.
- [25] Philip Seargeant và Zsófia Demjén, 2016. *Language and creativity*. The Open University. Truy xuất tại: <https://www.open.edu/openlearn/languages/language-and-creativity/content-section-0?active-tab=content-tab>
- [26] Jeffries, I. and McIntyre, D., 2010. *Stylistics*, Cambridge, Cambridge University Press.
- [27] Rani, Reena, 2013. *A study of language creativity among secondary school students in relation to their linguistic skills school environment and home environment*. Luận án Tiến sĩ. Truy xuất tại: <https://shodhganga.inflibnet.ac.in/handle/10603/112444>
- [28] Lubna, Massarrat, 2014. *A study of language creativity of English medium students in English language with special reference to standard viii of Aurangabad district*. Luận án Tiến sĩ. Truy xuất tại: <https://shodhganga.inflibnet.ac.in/handle/10603/84006>
- [29] Carter, R., 2004. *Language and Creativity: The Art of Common Talk*, London, Routledge.
- [30] Zawada, B., 2006. Linguistic creativity from a cognitive perspective. *Southern African Linguistics and Applied Language Studies*, 24, 235 - 254.
- [31] Richard J. Gerrig & Raymond W. Gibbs Jr., 1988. *Beyond the Lexicon: Creativity in Language Production, Metaphor and Symbolic Activity*, 3:3, 1-19, DOI: 10.1207/s15327868ms0301_1
- [32] Н. В. Тимофеева, 2020. *Развитие речевого творчества дошкольника*, Санкт-Петербург.
- [33] Киселёва, О. И., 2015. *Реализация адаптивной образовательной деятельности по формированию речевого творчества старших дошкольников с учетом особенностей их развития / О. И. Киселёва, О. А. Кривоногова // Вестник Томского государственного педагогического университета. — 2015. — Вып. 1. — С. 80–86.*
- [34] Сертакова, Н. М., 2013. *Инновационные формы работы взаимодействия дошкольного образовательного учреждения с семьей: Метод. пособие. — Санкт-Петербург: Издательство «Детство-Пресс», 2013. — 80 с.*
- [35] Al-buainain, H., Shain, K., Al-Timimy, F., & Khattab, G., 2012. Baseline Data for Arabic Acquisition with Clinical Applications: Some Phonological Processes in Qatari Children's Speech. *International Journal of Business and Social Research*, 2, 18-33.
- [36] Алексева, М. М., 2000. *Методика развития речи и обучения родному языку дошкольников: Учеб. пособие для студ. высш. и сред. пед. учеб. заведений / М. М. Алексева, В. И. Яшина. — Москва: Издательский центр «Академия», 2000. — 400 с.*
- [37] Chukovsky, K. I., 1963. *From two to five*. Berkeley: University of California Press.
- [38] Gvozdev, A. N., 1981. *Ot pervyih slov do pervogo klassa: Dnevnik nauchnyih nablyudeniy* [From First Words to First Grade: A Diary of Scientific Observations]. Royalililb.
- [39] A.A. Liublinskaya, 1978. *Tâm lí học trẻ em* tập II, Sở Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh.
- [40] Ngô Thị Thái Sơn, 2006. *Giáo trình phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học*. Nxb Giáo dục.

- [41] Trần Nguyễn Nguyên Hân, 2017. *Giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non*. Nxb Văn hóa-Văn nghệ.
- [42] Ветлугина, Н.А, 1972. *Художественное творчество и ребенок: Монография*. /под ред. Н.А. Ветлугиной. - М.: Педагогика.
- [43] Специалист по УМР, 2017. *Развитие творческих способностей дошкольников в театрализованной деятельности*. Выпускная квалификационная работа по направлению подготовки: «44.03.01 – Педагогическое образование» профиль «Педагогика общего образования».
- [44] Короткова Э. Л., 2011. *Обеспечение речевой практики при взаимосвязи работы над развитием диалогической и монологической речи* / Э.Л.Короткова// Хрестоматия по теории и методике развития речи детей дошкольного возраста / Сост. М. М. Алексеева. - М.: Академия. - С.201-202.
- [45] Шибицкая А.Е, 1974. *Словесное творчество детей 6-7 лет на материале русских народных сказок* // *Художественное творчество детей в детском саду* / под ред. Н. Ветлугиной, М., с. 134-139.
- [46] Леушина А.М., 1941. *Развитие связной речи дошкольников* / Ученые записки ЛГПИ им. А.И. Герцена. Т. 35.
- [47] Ворошнина Л.В., 1977. *Совершенствование творческого рассказывания детей 7 года жизни в условиях мотивации их деятельности*, Пермь, 1977, с.5-7.

ABSTRACT

An overview of research on the development of young children's language creativity

La Thi Bac Ly¹, Tong Thi Khanh An², Ho Thi Thanh Huong³ and Tran Viet Nhi^{4*}

¹*Faculty of Early Childhood Education, Hanoi National University of Education*

²*Faculty of Early Childhood Education, Saigon University*

³*Faculty of Pedagogy, Thua Thien Hue College of Education*

⁴*Faculty of Preschool Education, University of Education, Hue University*

In recent years, the issue of developing language creativity for preschool children - a special type of creativity - has received special attention from both theoretical and practical aspects. However, with the current limited number of studies, it can be affirmed that this is a new research topic in early childhood education in Vietnam. This review research focuses on clarifying the concept, nature and characteristics of preschool children's creative language ability. On that basis, several orientations have been proposed to support the development of language creativity for preschool children.

Keywords: creativity, language, language creativity, early childhood.